

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Khon;

Ông Nguyễn Quốc Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31/8/2018 tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2018/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988 (Có mặt);

- Bị đơn: Nguyễn Trọng T2, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 trình bày:

Chị và Nguyễn Trọng T2 do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào đầu năm 2006, đăng ký kết hôn ngày 19/10/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp. Việc vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay đe dọa. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T2 không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do đó chị và anh T2 đã sống ly thân từ tháng 02/2016 đến nay. Nay chị không

còn tình cảm với anh T2 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Chị và anh T2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 28/9/2006 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 21/3/2009, hiện nay đang do anh T2 nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con đến trưởng thành, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T2 không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai nợ anh chị, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 01/8/2018, bị đơn Nguyễn Trọng T2 trình bày:

Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T1 về hôn nhân và về đăng ký kết hôn, về con chung và tài sản chung. Anh T2 có ý kiến và yêu cầu như sau:

Về tình cảm: Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T1.

Về con chung: Anh và chị T1 có hai con chung là cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 28/9/2006 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 21/3/2009, hiện nay đang do anh nuôi dưỡng, sau khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến trưởng thành, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T1, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai nợ anh chị, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất cùng nhau thuận tình ly hôn, sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là không vi phạm vào điều cấm của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 28/9/2006 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 21/3/2009, hiện nay đang do anh T2 nuôi dưỡng;

Tại phiên tòa chị T1 trình bày: Do anh T2 thiếu quan tâm dạy bảo các con nên sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con;

Tại Biên bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Hữu L và cháu Nguyễn Thị N, các cháu trình bày: Do cha thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm đến các cháu, nên nguyện vọng của các cháu là được mẹ nuôi dưỡng sau khi cha mẹ ly hôn;

Đối với chị T1, hiện nay đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, thu nhập bình quân mỗi tháng là 5.000.000đ có khả năng nuôi dưỡng con chung. Anh T2 không có việc làm ổn định, thiếu quan tâm đến việc chăm sóc con, lại giao con cho ông bà nội nuôi dưỡng;

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và theo nguyện vọng của các cháu nên việc giao 2 cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 28/9/2006 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 21/3/2009, hiện nay đang do anh T2 nuôi dưỡng cho chị T1 được nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Chị T1 và anh T2 không có tài sản chung, không có nợ chung và không có ai nợ anh chị, anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không xem xét;

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 144, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Trọng T2.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu L, sinh ngày 28/9/2006 và cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 21/3/2009, hiện đang do anh T2 nuôi dưỡng cho chị T1 được nuôi dưỡng đến trưởng thành;

Anh Nguyễn Trọng T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số: BG/2017– 0001771 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, chị T1 không phải nộp thêm;

4. Về quyền kháng cáo: Chị T1 có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Anh T2 có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- UBND thị trấn 2;
- Đương sự;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Bùi Văn Toán